

Phú Thọ, ngày 25 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 năm 2022

Kinh tế - xã hội tháng 8 năm 2022 trên địa bàn tỉnh diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới cũng như trong nước biến động phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro. Tuy nhiên, nhờ kiểm soát tốt dịch Covid-19 và thực hiện đồng bộ các giải pháp đã đề ra, kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn đạt được kết quả khả quan: Sản xuất nông nghiệp đảm bảo khung lịch thời vụ, sản xuất công nghiệp duy trì tăng trưởng, các hoạt động thương mại diễn ra sôi động và tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ, an ninh - trật tự xã hội được giữ vững. Kết quả đạt được của các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội chủ yếu tháng 8 và 8 tháng năm 2022 cụ thể như sau:

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Trong kỳ, thời tiết thuận lợi cho sinh trưởng và phát triển của các loại cây trồng; chăn nuôi tiếp tục phát triển, không xuất hiện dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm; sản xuất lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản ổn định; các địa phương đang tích cực chăm sóc làm cỏ, bón phân, dưỡng nước, phun thuốc phòng trừ sâu bệnh cho lúa và các loại cây trồng, đồng thời tiếp tục gieo trồng các loại rau màu còn trong khung lịch thời vụ;...

Tính đến 15/8/2022, tổng diện tích gieo cấy lúa ước đạt 23,5 nghìn ha, giảm 2,6% (-630,4 ha) so với cùng kỳ năm 2021; diện tích gieo trồng ngô vụ mùa ước đạt 4.381 ha, giảm 1,7% (-76,8 ha); diện tích khoai lang gieo trồng ước tính đạt 191 ha giảm 11,9% (-25,8 ha); diện tích rau xanh gieo trồng ước tính đạt 4.098,8 ha, giảm 0,5% (-20,1 ha); diện tích cây đỗ đậu các loại gieo trồng ước tính đạt 185,7 ha, giảm 13,8% (-29,8 ha); diện tích cây lạc gieo trồng ước tính đạt 629,8 ha, giảm 6,9% (-46,81 ha);...

Diện tích gieo trồng lúa vụ mùa giảm so với cùng vụ năm trước chủ yếu là do chuyển sang trồng cây màu ở những chân ruộng cạn; bên cạnh đó tâm lý, kinh nghiệm của bà con nông dân đối với sản xuất lúa Mùa là năng suất thấp, sâu bệnh hại nhiều, chi phí sản xuất cao nên một số nơi người dân bỏ vụ, bỏ ruộng không gieo cấy lúa.

Nhìn chung, các loại cây rau, màu vụ Mùa năm nay sinh trưởng và phát triển tốt. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh vẫn xuất hiện rải rác một số loại sâu bệnh

gây hại nhẹ trên cây lúa như: sâu cuốn lá nhỏ, chuột, khô vằn,... Trước tình hình đó, ngành chức năng đã kịp thời chỉ đạo bà con nông dân tích cực kiểm tra đồng ruộng và phun thuốc phòng trừ các ổ sâu bệnh hại cây trồng.

Hoạt động chăn nuôi cơ bản giữ ổn định, chăn nuôi gia cầm phát triển; người chăn nuôi thu được lợi nhuận nên tích cực tái đàn trở lại, chăn nuôi lợn phát triển theo xu hướng tăng cả đầu con và sản phẩm xuất chuồng,...

Tổng đàn trâu hiện có ước đạt 54,2 nghìn con, giảm 3,5% so với cùng kỳ; tổng đàn bò ước đạt 99,7 nghìn con, giảm 2,9%; tổng đàn lợn ước đạt 728,1 nghìn con, tăng 6,8%; tổng đàn gia cầm ước đạt 15,8 triệu con, tăng 0,03%, trong đó tổng đàn gà ước đạt 13,9 triệu con, giảm 0,6%.

Sản xuất lâm nghiệp tập trung vào chăm sóc diện tích rừng trồng mới. Tổng diện tích rừng trồng mới tập trung toàn tỉnh đến nay (*sau 8 tháng*) ước đạt 9.039,6 ha tăng 2,34% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng gỗ khai thác toàn tỉnh đến hết tháng 8/2022 ước đạt 542,1 nghìn m³, tăng 4,6% so với cùng kỳ (*riêng sản lượng gỗ khai thác trong tháng ước đạt 48,6 nghìn m³*); sản lượng củi khai thác ước đạt 55,3 nghìn ste (*riêng sản lượng khai thác tháng 8/2022 ước đạt 9,7 nghìn ste*). Trong kỳ, trên địa bàn tỉnh xảy ra 2 vụ phá rừng, 1 vụ cháy rừng.

Tổng diện tích mặt nước thực tế nuôi trồng thủy sản ước đạt 11,2 nghìn ha, tăng 670,7 ha so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu là do diện tích lúa ở các vùng thấp trũng, ngập nước không cấy được lúa Mùa đã được chuyển đổi sang nuôi thả cá vụ.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác trong tháng 8/2022 ước đạt 4,8 nghìn tấn, tăng 8,9% so với cùng kỳ; tính từ đầu năm, tổng sản lượng thu hoạch ước đạt 27,1 nghìn tấn tăng 4,2%.

2. Sản xuất công nghiệp (IIP)

Hoạt động công nghiệp trên địa bàn tỉnh giữ ổn định, các doanh nghiệp chủ động trong sản xuất, kết nối và mở rộng thị trường ký kết nhiều hợp đồng mới tạo việc làm cho người lao động. Sản xuất duy trì tăng trưởng so với tháng cùng kỳ, IIP đạt mức 6,67%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 8 năm 2022 ước tính tăng 10,71% so với tháng trước. Đóng góp vào mức tăng chung của IIP, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,40%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 2,92%; hai ngành còn lại sản xuất giảm so với tháng trước (*ngành công nghiệp khai khoáng giảm 1,03%; ngành*

cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 3,07%). So với tháng cùng kỳ, IIP tháng 8/2022 tăng 6,67%, tăng chính từ nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 6,57%).

Có 12/17 ngành công nghiệp chế biến chế tạo được thống kê thường xuyên tăng so với tháng trước: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 147,33%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 45,64%; sản xuất thiết bị điện tăng 38,34%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 27,64%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 16,74%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (*trừ giường, tủ, bàn, ghế*) tăng 13,57%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 13,10%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 7,91%; sản xuất trang phục tăng 4,85%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 4,17%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 1,75%; sản xuất xe có động cơ tăng 0,35%;...

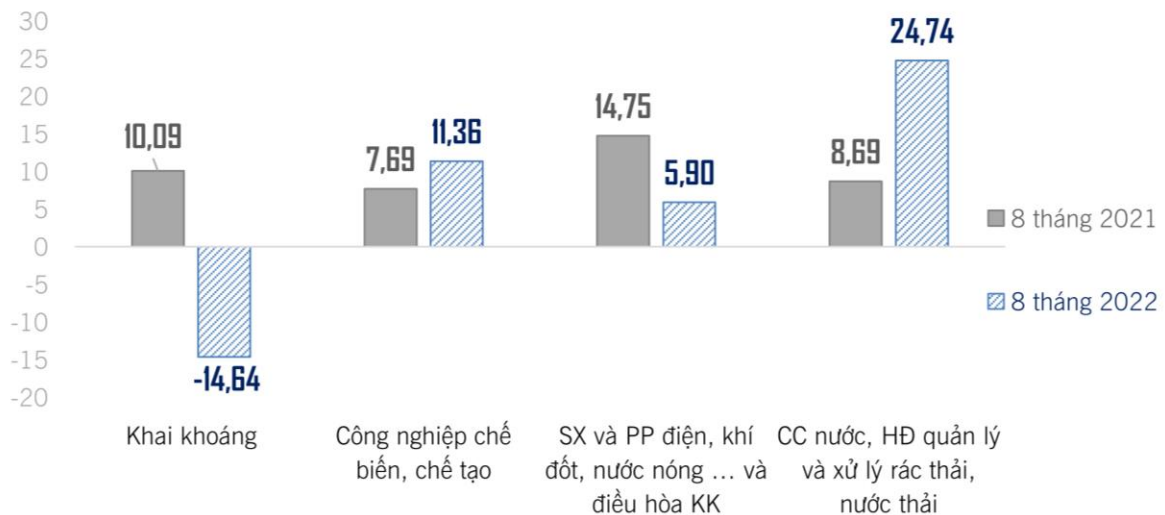
Sản xuất tăng so với tháng cùng kỳ năm trước nhờ các ngành công nghiệp cấp 2: Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 89,65%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (*trừ máy móc, thiết bị*) tăng 89,19%; sản xuất xe có động cơ tăng 86,67%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 85,19%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 51,64%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 32,28%; sản xuất thiết bị điện tăng 29,63%; sản xuất đồ uống tăng 29,54%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 23,60%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 19,91%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 15,99%; dệt tăng 13,44%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (*trừ giường, tủ, bàn, ghế*) tăng 3,89%;...

Sau 8 tháng, IIP tăng 11,05% so với cùng kỳ, trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng giảm 14,64%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,36%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 5,90%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 24,74%.

IIP 8 tháng duy trì tăng mạnh nhờ sự khởi sắc của các ngành: Sản xuất xe có động cơ tăng 38,57%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 28,64%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 28,38%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 23,94%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 21,28%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (*trừ máy móc, thiết bị*) tăng 14,15%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 12,18%; sản xuất thiết bị điện tăng 8,13%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 4,95%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 4,93%; dệt tăng 4,93%;...

Tuy nhiên, một số ngành công nghiệp truyền thống lại có xu hướng giảm, sản xuất gặp khó khăn như: Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 12,44%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 3,59%; sản xuất đồ uống giảm 3,51%; sản xuất trang phục giảm 3,00%;...

Chỉ số sản xuất công nghiệp 8 tháng năm 2022 so với cùng kỳ (%)



Một số sản phẩm chủ lực 8 tháng năm 2022 sản lượng tăng so cùng kỳ: Gạch lát, tăng 37,4%; mì chính, tăng 26,7%; giấy và bìa các loại, tăng 12,2%; dung lượng ắc quy, tăng 8,1%; ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn âm cực quang điện khác, tăng 6,2%; sợi toàn bộ, tăng 5,2%; giày thể thao, tăng 4,9%; vải thành phẩm, tăng 4,6%;...

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng 8 năm 2022 tăng 1,15% so với tháng trước nhưng giảm 5,31% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 7,57% so với cùng kỳ; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 19,78%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 1,47%. Tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo giảm 5,33%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 2,78%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 18,30% so với cùng kỳ.

Số lao động ngành chế biến, chế tạo tháng 8/2022 giảm so với cùng kỳ là do lao động đang làm việc trong các ngành: Sản xuất kim loại giảm 51,08%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 35,02%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 27,27%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu giảm 25,91%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (*trừ giường, tủ, bàn, ghế*) giảm 12,07%; sản xuất trang phục giảm 7,28%; sản xuất sản phẩm từ kim

loại đúc sẵn (*trừ máy móc, thiết bị*) giảm 6,85%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 6,83%; dệt giảm 5,32%; sản xuất thiết bị điện giảm 5,06%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 4,13%; khai thác, xử lý và cung cấp nước giảm 3,88%; sản xuất đồ uống giảm 3,70%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 2,71%;...

3. Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

Các đơn vị tập trung đẩy nhanh tiến độ các hạng mục công trình thuộc nguồn vốn đầu tư công đã thúc đẩy tăng trưởng tổng giá trị vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý toàn tỉnh so với tháng cùng kỳ năm trước, đạt mức 7,2%.

Tổng giá trị vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý tháng 8/2022 ước đạt 332,2 tỷ đồng, tăng 7,2% so với tháng cùng kỳ. Trong đó: nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 202,9 tỷ đồng, tăng 10,8%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước đạt 86,7 tỷ đồng, tăng 1,1%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã ước đạt 32,7 tỷ đồng, tăng 2,3%.

Một số công trình có giá trị đầu tư đạt khá trong tháng gồm: Dự án đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với QL70B, QL.32C tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Yên Bái ước đạt 62,1 tỷ đồng; dự án đầu tư xây dựng trường THPT chuyên Hùng Vương ước đạt 10 tỷ đồng; dự án cải tạo, nâng cấp đường giao thông kết nối quốc lộ 32 với quốc lộ 70B của tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Hòa Bình (*giai đoạn 2022-2024*) ước đạt 8,7 tỷ đồng; dự án thành phần sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Phú Thọ, thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) ước đạt 7,8 tỷ đồng; nhà văn hóa nghệ thuật tỉnh Phú Thọ tại thành phố Việt Trì ước đạt 6 tỷ đồng; dự án đường giao thông liên huyện Thanh Thủy - Thanh Sơn ước đạt 5,6 tỷ đồng; công trình nhà làm việc thành ủy Việt Trì ước đạt 4 tỷ đồng; dự án cải tạo, nâng cấp đoạn km1+500 - km11+910 tuyến đê tả Sông Thao, thuộc địa bàn huyện Hạ Hòa ước đạt 3,5 tỷ đồng; cải tạo, nâng cấp, gia cố đê ngòi Me, ngòi cỏ huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (*giai đoạn 1*) ước đạt 3,2 tỷ đồng; công trình đường nối từ đường Hồ Chí Minh đến đường tỉnh 320c (*đường đi xã Đông Thành, huyện Thanh Ba*) ước đạt 2,9 tỷ đồng; dự án đường nối từ đường Hùng Vương qua đường Nguyễn Tất Thành, đường Phù Đổng đến đường Âu Cơ thành phố Việt Trì ước đạt 2,6 tỷ đồng; công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư nông thôn phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu 5 (Giếng Sùi), xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy ước đạt 2,5 tỷ đồng; dự án cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ (*giai đoạn I: đoạn từ km2+400 - km5+863 tuyến chính, tuyến nhánh 1 và hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên*

tuyến) ước đạt 2,2 tỷ đồng; cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba thủy nông đến QL32C, thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê ước đạt 2 tỷ đồng; cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh mương xã Tân Phương- Thạch Đồng- Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy ước đạt 2,0 tỷ đồng;...

Tính chung 8 tháng, tổng giá trị vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh ước thực hiện 2.479,3 tỷ đồng, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 1.603,7 tỷ đồng, tăng 4,7%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện 639,3 tỷ đồng, tăng 2,8% và vốn ngân sách nhà nước cấp xã 236,4 tỷ đồng, tăng 0,6% so với cùng kỳ.

4. Thương mại, dịch vụ, giá cả

a) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ

Dịch Covid-19 được kiểm soát, tâm lý người dân không còn e ngại dịch bệnh, các hoạt động thương mại - dịch vụ diễn ra sôi động. Bên cạnh đó, giá cả một số mặt hàng và dịch vụ ổn định, giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh có xu hướng giảm, do giá xăng dầu giảm là một trong những nguyên nhân khiến tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tăng trưởng mạnh, đạt mức 26,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 8/2022 ước đạt 3.721,3 tỷ đồng, tăng 26,8% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ ước đạt 3.080,8 tỷ đồng, chiếm 82,8% tổng mức, tăng 16,5%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 340,9 tỷ đồng, chiếm 9,2% tổng mức, gấp hơn 4 lần tháng cùng kỳ; doanh thu dịch vụ và du lịch ước đạt 299,7 tỷ đồng, chiếm 8,1% tổng mức, tăng 44,6% so với cùng kỳ;...

Doanh thu bán lẻ trong tháng tăng mạnh so với cùng kỳ nhờ 11/12 nhóm hàng được thống kê thường xuyên có mức tăng cao, gồm: Ô tô con (*dưới 9 chỗ ngồi*) tăng 83,5%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 54,0%; lương thực, thực phẩm tăng 24,7%; hàng hóa khác tăng 20,3%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 20%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 14,3%; xăng, dầu các loại tăng 13,7%; doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 11,6%; hàng may mặc tăng 9,4%; nhiên liệu khác (*trừ xăng dầu*) tăng 9,3%; phương tiện đi lại, trừ ô tô con (*kể cả phụ tùng*) tăng 2,9%;...

Sau 8 tháng, doanh thu bán lẻ tiếp tục là giữ vai trò chủ đạo trong tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, đạt 12,2%, trong đó các nhóm có mức tăng cao như: Ô tô con (*dưới 9 chỗ ngồi*) gấp gần 2,2

lần; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 58,4%; doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 18,2%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 17,6%; lương thực, thực phẩm tăng 17,5%; hàng hóa khác tăng 15,7%; nhiên liệu khác (*trừ xăng dầu*) tăng 12,7%; hàng may mặc tăng 12,3%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 11,7%; xăng, dầu các loại tăng 11,4%; vật phẩm, văn hoá, giáo dục tăng 10,8%;...

Tính chung 8 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 28.156,7 tỷ đồng, tăng 15,3% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ ước đạt 23.757,9 tỷ đồng, chiếm 84,4% tổng mức, tăng 12,2%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 2.136,7 tỷ đồng, chiếm 7,6% tổng mức, tăng 53,3%; doanh thu dịch vụ và du lịch ước đạt 2.262,2 tỷ đồng, chiếm 8,0% tổng mức, tăng 22,4%;...

b) Xuất, nhập khẩu¹

Tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa tháng 8/2022 ước đạt 758,9 triệu USD, tăng 5,4% so với tháng trước; tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa ước đạt 1.114,2 triệu USD, tăng 5,2%. Tính chung 8 tháng, xuất khẩu ước đạt 7.603,1 triệu USD, tăng 60,1% so với cùng kỳ; nhập khẩu ước đạt 7.822,9 triệu USD, tăng 62,3% so với cùng kỳ.

	Tháng 8/2022		8 tháng/2022	
	Giá trị (Triệu USD)	So với tháng trước (%)	Giá trị (Triệu USD)	So với cùng kỳ (%)
Xuất khẩu	758,9	105,4	7.603,1	160,1
Nhập khẩu	1.114,2	105,2	7.822,9	162,3

c) Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2022 giảm 0,18% so với tháng trước, tăng 4,00% so với tháng 12 năm trước (*sau 8 tháng*) và tăng 4,62% so với tháng cùng kỳ (*sau 12 tháng*).

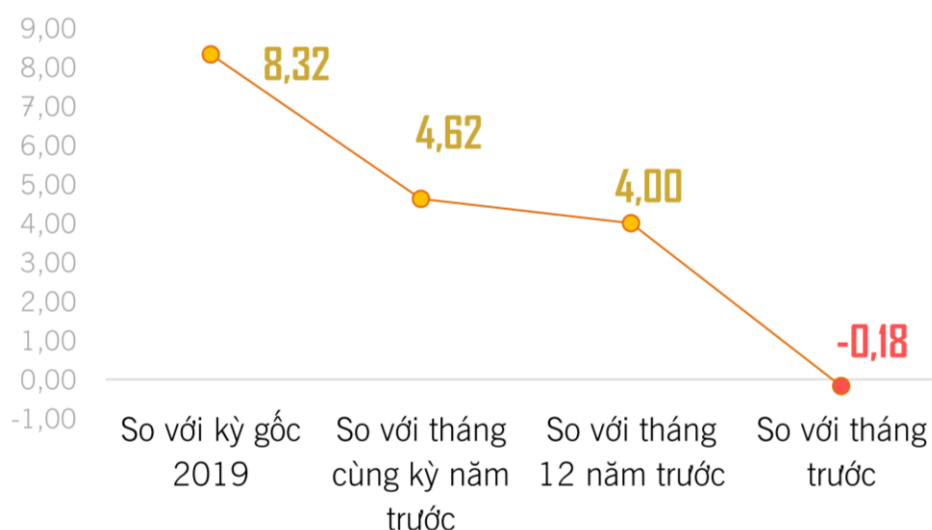
¹ Nguồn: Chi cục Hải Quan.

Từ đầu năm, đây là tháng đầu tiên CPI giảm so với tháng trước, các yếu tố giúp kiềm chế CPI gồm: Giao thông giảm 5,07% (*xăng giảm 14,03%; dầu diesel giảm 12,91%*); văn hoá, giải trí và du lịch giảm 0,36% (*văn hóa 0,51%; thể thao và giải trí khác giảm 0,10%*); hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,02% (*lương thực giảm 1,00%; ăn uống ngoài gia đình giảm 2,70%*);... Ở chiều ngược lại, các nhóm còn lại có chỉ số tăng so với tháng trước gồm: Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,57%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,99%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,64%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,41%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,34%; giáo dục tăng 0,21%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,08%;... Riêng nhóm bưu chính viễn thông giữ ổn định, không tăng.

Chỉ số giá Vàng tháng 8/2022 so với tháng trước tăng 0,65%, giá bán bình quân trong tháng 5.273.000 đồng/chỉ. Chỉ số giá Đô la Mỹ giảm 0,50%, giá bán bình quân trong tháng 24.080 VNĐ/USD.

So với tháng cùng kỳ, CPI tăng ở tất cả các nhóm hàng được thống kê thường xuyên. Trong đó: Đồ uống và thuốc lá tăng 9,20%; giao thông tăng 8,71%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 7,29%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,36%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 4,39%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,64%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 3,00%; văn hoá, giải trí và du lịch tăng 1,56%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,17%; giáo dục tăng 0,8%; bưu chính viễn thông tăng 0,01%;...

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 8 năm 2022 so với tháng trước (%)



Sau 8 tháng năm 2022, CPI bình quân tăng 2,93% so với cùng kỳ, nguyên nhân do tác động từ các nhóm: Giao thông tăng 15,89%; đồ uống và thuốc lá tăng 4,96%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2,89%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,11%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,98%; hàng ăn và dịch vụ ăn

uống tăng 1,67%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,64%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,04%; giáo dục tăng 0,77%;...

d) Vận tải hàng hóa và hành khách

Tổng doanh thu vận tải tháng 8/2022 ước đạt 509,8 tỷ đồng, tăng 30,9% so với cùng kỳ, nguyên nhân do tháng 8/2021 tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước cũng như thế giới diễn biến phức tạp, cả nước có đến trên 20 tỉnh/thành phố thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 395,7 tỷ đồng, tăng 26,6%; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 64,1 tỷ đồng, tăng 57,3%; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 49,6 tỷ đồng, tăng 38,6%;...

Sản lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 4,0 triệu tấn, tăng 22,5% so với cùng kỳ; sản lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 442,6 triệu tấn.km, tăng 23,8%. Sản lượng hành khách vận chuyển ước đạt 1,3 triệu hành khách, tăng 48,4% so với cùng kỳ; sản lượng hành khách luân chuyển ước đạt 82,0 triệu hành khách.km, tăng 54,1%.

Tính chung 8 tháng, sản lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 30,4 triệu tấn, tăng 9,0%; sản lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 3.318,4 triệu tấn.km, tăng 9,9%. Sản lượng hành khách vận chuyển ước đạt 10,6 triệu hành khách, tăng 10,2%; sản lượng hành khách luân chuyển ước đạt 651,8 triệu hành khách.km, tăng 12,1%.

5. Một số vấn đề xã hội

a) Tình hình giáo dục²

Năm học 2021-2022, ngành Giáo dục đã chủ động xây dựng các phương án dạy và học nhằm thích ứng với diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19; chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,9%; số trường học đạt chuẩn Quốc gia đạt 88,6%; tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT năm 2022 của tỉnh Phú Thọ trước phúc khảo đạt 99,71% (*không tính thí sinh tự do*), tăng 0,23% so với năm 2021, điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT đạt 6,722 điểm, đứng thứ 8/63 tỉnh, thành phố, tăng 2 bậc so với năm 2021;....

Công tác tuyển sinh đầu cấp năm học 2021-2022 được tổ chức nghiêm túc, an toàn, đúng quy chế, đúng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Phú Thọ;... Trên địa bàn tỉnh có 28.886 trẻ 06 tuổi trên địa

² Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo.

bản tỉnh được tuyển sinh vào lớp 1, tỷ lệ huy động tuyển sinh đạt 100,0%; 25.570 học sinh được tuyển sinh vào lớp 6, tỷ lệ huy động tuyển sinh đạt 99,3%. Tuyển sinh lớp 10: có 10.624 học sinh được tuyển sinh vào các trường THPT công lập (*trong đó có 216 học sinh được tuyển thẳng*), tỷ lệ tuyển sinh đạt 99,7%; 440 học sinh được tuyển vào trường THPT Chuyên Hùng Vương (*trong đó có 10 lớp chuyên với 300 học sinh*); 3.036 học sinh được tuyển vào các trường THPT ngoài công lập, tỷ lệ tuyển sinh đạt 92,6%, còn thiếu 298 học sinh so với chỉ tiêu;...

b) Tình hình y tế³

Tính đến 18^h ngày 23/8/2022, trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã ghi nhận 323.766 ca mắc Covid-19, có 323.392 bệnh nhân ra viện, 107 ca tử vong. Đến nay, toàn tỉnh Phú Thọ đã có 992.579 (99,9%) người ≥ 18 tuổi đã được tiêm đủ hai mũi vắc xin Covid-19; 688.319 (84,7%) người ≥ 18 tuổi đã tiêm mũi nhắc lại (mũi 3); 157.000 (58,6%) người ≥ 18 tuổi người đã tiêm mũi nhắc lại lần 2 (mũi 4); 134.002 (99,9%) trẻ từ 12-17 tuổi được tiêm hai mũi vắc xin; 76.458 (38,7%) trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi được tiêm hai mũi vắc xin.

Tháng 7/2022, trên địa bàn tỉnh xuất hiện 8 ca mắc sốt xuất huyết (*tăng 6 ca so với tháng trước*), 11 ca mắc tay - chân - miệng (*giảm 36 ca so với tháng trước*), 5 trường hợp mắc sốt phát ban nghi Sởi (*tăng 4 ca so với tháng trước*),... Ngành Y tế đã tăng cường tuyên truyền cung cấp thông tin về dịch bệnh và cách phòng, tránh cho người dân; giám sát chặt chẽ tình hình, diễn biến của dịch, không để dịch bệnh lan rộng;...

Tính đến hết tháng 7/2022, các đoàn kiểm tra liên ngành đã kiểm tra 5.143 cơ sở, kết quả có 91,9% cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn vệ sinh thực phẩm. Riêng trong tháng 7 đã kiểm tra 80 cơ sở, trong đó có 93,7% số cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn vệ sinh thực phẩm.

c) Hoạt động văn hóa, thể thao⁴

Trong kỳ, ngành Văn hóa, Thể thao, Du lịch và các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã nhiều hoạt động tuyên truyền, cổ động trực quan kỷ niệm các ngày lễ lớn như : 77 năm ngày Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945-19/8/2022); 77 năm ngày truyền thống Ngành Văn hóa (28/8/1945-28/8/2022); 60 năm Ngày

³ Nguồn: Sở Y tế.

⁴ Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Bác Hồ về thăm tỉnh Phú Thọ (19/8/1962 - 19/8/2022); Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945- 02/9/2022);...

Kỷ niệm 60 năm Ngày Bác Hồ về thăm tỉnh Phú Thọ, 77 năm ngày Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch phối hợp với UBND thị xã Phú Thọ tổ chức khai mạc Liên hoan tuyên truyền lưu động và triển lãm tranh cổ động. Tham dự liên hoan có 13 đơn vị đến từ Trung tâm VH-TT&DL các huyện, thành, thị; các đơn vị tham gia thi chương trình văn nghệ cổ động, trưng bày và thuyết minh triển lãm ảnh, trang trí, điều hành xe tuyên truyền lưu động, biểu diễn văn nghệ tuyên truyền phục vụ nhân dân,...

Trong kỳ, UBND tỉnh phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thành công Giải Bóng đá học sinh Tiểu học và Trung học cơ sở toàn quốc Cúp Milo năm 2022 - khu vực I. Giải có sự tham gia của 14 đội bóng (*10 đội bóng cấp Tiểu học, 4 đội bóng cấp Trung học cơ sở*) với 168 vận động viên đến từ 10 tỉnh. Kết quả, nội dung THCS, giải Nhất thuộc về đội bóng đá tỉnh Thái Nguyên, giải Nhì thuộc về đội bóng đá tỉnh Bắc Giang và đồng giải Ba thuộc về đội bóng đá tỉnh Phú Thọ và tỉnh Tuyên Quang; nội dung Tiểu học, giải Nhất thuộc về đội bóng đá tỉnh Hải Dương, giải Nhì thuộc về đội bóng đá tỉnh Bắc Giang và đồng giải Ba thuộc về đội bóng đá tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Quảng Trị. Đây là các đại diện sẽ tham dự Vòng Chung kết Cúp Milo năm 2022 được tổ chức tại tỉnh Bình Dương vào tháng 9/2022.

Thể thao thành tích cao tiếp tục được quan tâm, duy trì đào tạo tập trung 208 VĐV (*trong đó 17 VĐV đội tuyển tỉnh và 191 VĐV đội tuyển trẻ*); tham gia thi đấu 09 giải thể thao toàn quốc, giành 30 huy chương (*08 HCV, 05 HCB, 17 HCD*). Tham dự giải Vô địch Pencak Silat thế giới năm 2022 diễn ra tại Malaysia, Phú Thọ vinh dự có 02 VĐV giành Huy chương Đồng, đã đóng góp vào thành tích đứng vị trí thứ 3 chung cuộc tại giải đấu của đội tuyển Pencak Silat Việt Nam.

d) Tình hình tai nạn, vi phạm giao thông⁵

Theo thống kê của Ban an toàn giao thông tỉnh, từ ngày 15/7/2022 đến ngày 14/8/2022 trên địa bàn tỉnh xảy ra 3 vụ tai nạn giao thông đường bộ và 1 vụ va chạm giao thông làm 5 người chết và 10 người bị thương. Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/8/2022, trên địa bàn tỉnh xảy ra 26 vụ tai nạn giao thông (*tăng 5 vụ*) và 8 vụ va chạm giao thông (*giảm 6 vụ*) làm 32 người chết (*tăng 7 người*) và 24 người bị thương (*tăng 6 người*).

⁵ Nguồn: Ban An toàn giao thông tỉnh.

Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/8/2022, lực lượng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh đã kiểm tra xử lý 40.559 trường hợp vi phạm Luật Giao thông đường bộ, xử phạt 43,4 tỷ đồng. Riêng từ ngày 15/7-14/8/2022, lập biên bản xử lý 4.538 trường hợp, xử phạt trên 9,9 tỷ đồng.

e) Tình hình thiên tai

Từ ngày 17/7/2022 đến ngày 16/8/2022, trên địa bàn tỉnh Phú Thọ xảy ra 02 vụ thiên tai mưa lớn tại các huyện: Đoan Hùng, Phù Ninh, Yên Lập, Tam Nông, Thanh Sơn, Tân Sơn. Thiên tai đã làm 1 người bị chết; 1 người bị thương; 65 ngôi nhà bị thiệt hại; 20,6 ha rau, hoa màu, 31,0 ha các loại cây trồng hàng năm khác bị hư hỏng;... Tổng giá trị thiệt hại ước tính trên 2,0 tỷ đồng.

f) Tình hình cháy nổ, vi phạm môi trường

Tình hình cháy nổ: Từ ngày 17/7/2022 đến 16/8/2022 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ xảy ra 1 vụ cháy (14h00 ngày 30/7/2022, tại kho nguyên liệu giấy thành phẩm của công ty cổ phần Giấy Lửa Việt, khu 9, thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa đã xảy ra hỏa hoạn. Vụ hỏa hoạn tuy không gây thiệt hại về người nhưng đã thiêu rụi khối lượng lớn giấy thành phẩm trong kho rộng khoảng 2.000m²), nguyên nhân vụ cháy và giá trị thiệt hại đang được cơ quan chức năng tiếp tục làm rõ. Tính từ ngày 17/12/2021 đến ngày 16/8/2022, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 13 vụ cháy, giá trị thiệt hại ước tính trên 1,3 tỷ đồng.

Tình hình vi phạm môi trường: Từ ngày 17/7/2022 đến ngày 16/8/2022, lực lượng Cảnh sát Môi trường - Công an tỉnh đã phát hiện và xử lý 41 vụ vi phạm môi trường, xử phạt 1.020,7 triệu đồng. Tính từ ngày 17/12/2021 đến ngày 16/08/2022, trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã phát hiện và xử lý 306 vụ vi phạm môi trường, với tổng số tiền xử phạt là 6.218,5 triệu đồng.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ./.

1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 8 năm 2022

Đơn vị tính: Ha

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích gieo trồng một số cây hàng năm vụ mùa năm 2022			
Lúa	24.122,7	23.492,4	97,4
Ngô	4.457,8	4.381,0	98,3
Khoai lang	216,8	191,0	88,1
Đậu tương	41,0	28,7	69,9

2. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Đơn vị tính: %

	7 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước	Ước tính tháng 8/2022 so với tháng 7/2022	Ước tính tháng 8/2022 so với cùng kỳ năm trước	8 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước
TOÀN NGÀNH	111,75	110,71	106,67	111,05
B. Khai khoáng	86,81	98,97	75,26	85,36
07. Khai thác quặng kim loại	247,52	85,71	200,00	239,21
08. Khai khoáng khác	79,59	102,18	66,79	78,01
C. Công nghiệp chế biến, chế tạo	112,14	111,40	106,57	111,36
10. Sản xuất chế biến thực phẩm	102,53	96,51	119,91	104,95
11. Sản xuất đồ uống	92,36	76,14	129,54	96,49
13. Dệt	103,85	86,14	113,44	104,93
14. Sản xuất trang phục	96,72	104,85	98,91	97,00
15. Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	101,30	104,17	132,28	104,93
16. CB gỗ và SX SP từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế)	71,89	113,57	103,89	76,62
17. Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	111,66	94,37	115,99	112,18
18. In, sao chép bản ghi các loại	120,75	107,91	185,19	128,38
20. Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	83,57	113,10	151,64	87,56
22. Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	96,57	116,74	95,52	96,41
23. Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	120,90	101,75	123,60	121,28
25. Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ MMTB)	107,58	95,90	189,19	114,15
26. Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính,...	129,41	127,64	96,74	123,94
27. Sản xuất thiết bị điện	104,10	138,34	129,63	108,13
29. Sản xuất xe có động cơ	133,53	100,35	186,67	138,57
31. Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	48,34	247,33	19,29	45,96
33. Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	122,98	145,64	189,65	128,64
D. SX và PP điện, khí đốt, nước nóng ... và điều hòa KK	106,39	102,92	103,15	105,90
35. SX và PP điện, khí đốt, nước nóng ... và điều hoà KK	106,39	102,92	103,15	105,90
E. CC nước, HĐ quản lý và xử lý rác thải, nước thải	121,15	96,93	150,45	124,74
36. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	99,97	97,47	96,42	99,46
38. HĐ thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	190,98	96,19	690,62	216,86

3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 7 năm 2022	Ước tính tháng 8 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 8 năm 2022	Tháng 8/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 8 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
Giấy và bìa các loại	Tấn	23.468	22.146	179.567	116,0	112,2
Bia hơi, bia đóng lon	1000 Lít	9.969	7.951	49.940	130,9	99,0
Chè	Tấn	4.726	4.420	22.337	110,6	82,8
Phân Supe Photphat (P2O5)	Tấn	35.189	40.000	307.726	162,9	97,7
Phân NPK	Tấn	18.144	20.400	253.965	140,1	81,3
Cao lanh	Tấn	16.025	16.898	186.074	48,6	72,3
Xi măng	Tấn	124.440	129.553	988.031	96,5	97,5
Gạch lát	1000 M ²	4.450	4.484	30.714	140,7	137,4
Mỳ chính	Tấn	3.818	3.800	28.267	130,2	126,7
Dung lượng ắc quy	1000 Kwh	3	4	22	129,6	108,1
Vải thành phẩm	1000 M ²	5.993	4.940	41.267	119,7	104,6
Sợi toàn bộ	Tấn	1.222	1.130	9.108	104,2	105,2
Quần áo may sẵn	1000 Cái	10.322	10.990	84.148	95,7	92,1
Giày thể thao	1000 Đôi	611	637	4.311	132,3	104,9
Nước máy	1000 M ³	3.172	3.092	22.452	96,4	99,5
Sản phẩm bằng plastic	Tấn	11.985	14.026	96.545	96,0	96,0
Ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn âm cực quang điện khác	1000 chiếc	11.839	12.727	121.232	140,1	106,2

4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 7 năm 2022	Ước tính tháng 8 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 8 năm 2022	Tháng 8/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 8 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	313.823	322.247	2.479.341	107,2	103,8
Vốn NS Nhà nước cấp tỉnh	198.660	202.913	1.603.691	110,8	104,7
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	75.742	77.112	568.920	106,1	91,6
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	20.736	22.126	154.488	93,9	87,5
Vốn TW hỗ trợ ĐT theo MT	110.266	112.888	932.320	163,1	142,0
Vốn nước ngoài (ODA)	7.736	7.826	65.245	22,2	30,1
Xổ số kiến thiết	2.100	2.155	15.435	104,2	96,9
Vốn khác	2.816	2.932	21.771	76,8	102,9
Vốn NS Nhà nước cấp huyện	83.544	86.669	639.257	101,1	102,8
Vốn cân đối ngân sách huyện	29.743	30.577	222.862	101,2	101,5
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	18.799	19.113	143.812	95,0	95,1
Vốn tỉnh hỗ trợ ĐT theo MT	50.112	52.266	384.826	102,0	103,8
Vốn khác	3.689	3.826	31.569	89,7	101,2
Vốn NS Nhà nước cấp xã	31.619	32.665	236.393	102,3	100,6
Vốn cân đối ngân sách xã	17.755	17.897	131.406	108,0	103,0
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	13.210	13.266	103.478	92,6	106,7
Vốn huyện hỗ trợ ĐT theo MT	11.266	12.116	83.533	100,0	96,5
Vốn khác	2.598	2.652	21.454	82,0	103,7

5. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 7 năm 2022	Ước tính tháng 8 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 8 năm 2022	Tháng 8/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 8 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	3.706.238	3.721.341	28.156.748	126,8	115,3
Phân theo ngành kinh doanh					
Bán lẻ	3.063.262	3.080.774	23.757.901	116,5	112,2
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	339.882	340.913	2.136.662	405,1	153,3
Dịch vụ và du lịch	303.094	299.654	2.262.185	144,6	122,4

6. Doanh thu bán lẻ hàng hoá

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 7 năm 2022	Ước tính tháng 8 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 8 năm 2022	Tháng 8/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 8 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	3.063.262	3.080.774	23.757.901	116,5	112,2
Lương thực, thực phẩm	1.058.754	1.090.955	8.161.660	124,7	117,5
Hàng may mặc	225.020	228.213	1.870.285	109,4	112,3
Đồ dùng, dụng cụ,... gia đình	227.481	234.428	1.822.029	120,0	117,6
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	22.646	23.404	186.415	98,9	110,8
Gỗ và vật liệu xây dựng	295.842	299.676	2.241.564	114,3	111,7
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	57.997	56.637	549.679	183,5	216,4
Phương tiện đi lại (trừ ô tô con,...)	547.875	532.806	3.875.010	102,9	92,4
Xăng, dầu các loại	421.789	403.461	3.275.597	113,7	111,4
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	49.904	51.356	460.702	109,3	112,7
Đá quý, kim loại quý,...	40.438	41.147	340.688	154,0	158,4
Hàng hóa khác	58.318	60.546	475.303	120,3	115,7
SC xe có động cơ, mô tô,...	57.198	58.145	498.969	111,6	118,2

7. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 7 năm 2022	Ước tính tháng 8 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 8 năm 2022	Tháng 8/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 8 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	339.882	340.913	2.136.662	405,1	153,3
Dịch vụ lưu trú	32.552	32.803	209.565	283,5	154,9
Dịch vụ ăn uống	307.330	308.110	1.927.097	424,5	153,1
Dịch vụ lữ hành	20.305	19.430	70.097	15.227,3	1.982,1
Dịch vụ khác	282.789	280.224	2.192.088	135,3	118,8

8. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

Đơn vị tính: %

	Chỉ số giá tháng 8/2022 so với				Chỉ số giá bình quân 8 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	108,32	104,62	104,00	99,82	102,93
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	115,18	107,29	107,22	99,98	101,67
Trong đó:					
<i>Lương thực</i>	109,78	105,34	101,91	99,00	105,53
Thực phẩm	116,30	107,08	108,31	100,83	99,99
Ăn uống ngoài gia đình	114,66	109,58	106,76	97,30	105,83
Đồ uống và thuốc lá	116,58	109,20	108,98	100,99	104,96
May mặc, mũ nón, giày dép	106,93	104,39	102,85	100,64	101,98
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	108,19	103,00	103,44	101,57	101,64
Thiết bị và đồ dùng gia đình	103,81	103,64	102,44	100,41	102,11
Thuốc và dịch vụ y tế	104,09	101,17	100,76	100,08	101,04
Trong đó: Dịch vụ y tế	102,32	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	109,46	108,71	104,67	94,93	115,89
Bưu chính viễn thông	98,05	100,01	100,01	100,00	99,91
Giáo dục	103,13	100,80	100,70	100,21	100,77
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	101,66	100,00	100,00	100,00	100,00
Văn hoá, giải trí và du lịch	96,09	101,56	101,89	99,64	99,71
Hàng hoá và dịch vụ khác	109,44	105,36	104,98	100,34	102,89
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	135,15	102,47	101,91	100,65	101,77
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	103,57	103,61	101,82	99,50	100,95

9. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Ước tính tháng 8 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 8 năm 2022	Tháng 8/2022 so tháng trước (%)	Tháng 8/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 8 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	509.815	3.875.528	97,4	130,9	113,5
Vận tải hành khách	64.137	509.526	94,0	157,3	114,8
Đường thủy nội địa	939	7.387	90,2	139,0	114,5
Đường bộ	63.198	502.139	94,0	157,6	114,8
Vận tải hàng hóa	395.702	2.998.448	98,2	126,6	114,3
Đường thủy nội địa	93.377	728.685	98,8	120,6	112,1
Đường bộ	302.325	2.269.763	98,1	128,6	115,1
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	49.627	364.940	95,8	138,6	105,7

10. Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng 8 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 8 năm 2022	Tháng 8/2022 so tháng trước (%)	Tháng 8/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 8 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1.330	10.646	94,2	148,4	110,2
Đường thủy nội địa	128	999	91,4	134,7	110,7
Đường bộ	1.202	9.648	94,5	150,0	110,1
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.Km)	81.974	651.766	95,5	154,1	112,1
Đường thủy nội địa	158	1.214	92,4	136,0	110,7
Đường bộ	81.816	650.552	95,5	154,1	112,1
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	4.041	30.359	102,4	122,5	109,0
Đường thủy nội địa	1.373	10.482	102,8	119,5	107,7
Đường bộ	2.667	19.878	102,2	124,2	109,7
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	442.581	3.318.351	102,6	123,8	109,9
Đường thủy nội địa	228.762	1.732.022	103,2	121,7	109,0
Đường bộ	213.820	1.586.329	102,1	126,2	110,9

11. Trật tự, an toàn xã hội

	Sơ bộ kỳ tháng 8/2022	Cộng dồn từ kỳ tháng 01 đến hết kỳ tháng 8/2022	Kỳ tháng 8/2022 so với kỳ trước (%)	Kỳ tháng 8/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ kỳ tháng 01 hết kỳ tháng 8 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tai nạn giao thông (Kỳ báo cáo tính từ ngày 15 tháng trước tháng báo cáo đến ngày 14 tháng báo cáo)					
Số vụ tai nạn, va chạm giao thông (Vụ)	4	34	80,0	80,0	97,1
Đường bộ	4	34	80,0	80,0	97,1
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Số người chết (Người)	5	32	125,0	100,0	128,0
Đường bộ	5	32	125,0	100,0	128,0
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	10	24	1.000,0	1.000,0	133,3
Đường bộ	10	24	1.000,0	1.000,0	133,3
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Cháy, nổ (Kỳ báo cáo tính từ ngày 17 tháng trước tháng báo cáo đến ngày 16 tháng báo cáo)					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	1	13	100,0	33,3	54,2
Số người chết (Người)	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	...	>1.290